

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2023

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chiêu

Ông Tạ Văn Nhật

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuấn - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số nhà 7, ngõ 3, đường nhánh 422, cụm 3, xã TL, huyện ĐP, thành phố Hà Nội; xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Công Thị N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 7, ngõ 3, đường nhánh 422, cụm 3, xã TL, huyện ĐP, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Nh trình bày: Ông và bà Công Thị N tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã TL, huyện ĐP vào ngày 13/3/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở cụm 3, xã TL. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Đến cuối năm 2021 bà Nhận tự bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng. Sau khi vợ chồng nói chuyện thì bà N đồng ý quay về nhà chung sống. Nhưng khi bà N về, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ gì với nhau, mỗi người sống theo ý của mình. Bà N đi đâu, làm gì không ai trong gia đình hay biết. Do đời sống tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, xa cách, ông Nh không muốn tiếp tục cuộc sống như vậy nên từ cuối năm 2021 đến tháng 4 năm 2023 ông đã 02 lần gửi đơn ly hôn bà N đến Tòa án nhân dân huyện ĐP. Được Tòa án phân tích, hòa giải và vì nghĩ đến các con nên ông rút đơn về với mong muốn vợ chồng có thể đoàn tụ, yêu thương

nhau để gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn bà N.

Về con chung: Ông và bà Công Thị N có 02 con chung là anh Nguyễn Văn D sinh năm 2001 và chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 2002. Hiện nay anh D và chị M đã đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết về nghĩa vụ nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hiện nay nhà đất mà ông đang ở là của bố mẹ ông chưa phân chia cho ai. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh được một số đồ đạc, tài sản như xe máy, tủ lạnh, máy giặt, tivi. Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Khi ly hôn, ông không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản. Nếu bà N muốn lấy tài sản nào trong số tài sản trên thì ông cũng đồng ý. Nếu vợ chồng thuận tình ly hôn thì ông sẽ tự nguyện hỗ trợ cho bà N số tiền 100.000.000 đồng. Nếu bà N và ông không thuận tình ly hôn với nhau thì ông sẽ không đồng ý hỗ trợ bà N.

Bị đơn bà Công Thị N trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống bà thừa nhận như lời trình bày của ông Nh. Bà N cũng thừa nhận do thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và áp lực nên bà đã phải chuyển ra ngoài thuê nhà sinh sống. Ông Nh cũng đã 02 lần gửi đơn ly hôn bà đến Tòa án, sau đó ông Nh rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, nhưng vợ chồng đoàn tụ được thời gian ngắn thì lại phát sinh mâu thuẫn. Bà thừa nhận mâu thuẫn giữa ông, bà đã trầm trọng, bà đã hết tình cảm với ông Nh, vợ chồng không thể quay về tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn cho ông, bà. Tuy nhiên nếu ông Nh hỗ trợ bà thỏa đáng thì bà mới thuận tình ký vào đơn ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn Nh có 02 con chung là anh Nguyễn Văn D, sinh năm 2001 và chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 2002. Các con của ông, bà đều đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có khả năng lao động để nuôi bản thân nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết về quyền và nghĩa vụ nuôi con.

Về tài sản chung: Hiện nhà và đất mà ông, bà và các con đang sinh sống là của bố mẹ ông Nh chưa chia cho ai. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh được một số tài sản chung nhưng bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Việc ông Nh hỗ trợ bà số tiền 100.000.000 đồng bà không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Nh và bà Công Thị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho ông Nguyễn

Văn Nh được ly hôn bà Công Thị N. Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Nh phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Nh có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn bà Công Thị N có địa chỉ tại cụm 3, xã TL, huyện ĐP, thành phố Hà Nội. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án nhân dân huyện ĐP giải quyết vụ án, ngày 27/6/2023, bà N xuất cảnh đi nước ngoài. Căn cứ vào khoản 3 Điều 39, Điều 471 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Nh và bà Công Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện ĐP, thành phố Hà Nội, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà N đã bỏ ra ngoài sống riêng. Ông Nh đã nhiều lần làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Nhiều lần vợ chồng ông bà đã tìm cách tự hàn gắn tình cảm nhưng đều không có kết quả. Xét thấy, đây là lần thứ 3 ông Nh xin ly hôn với bà N. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng bà N đã bỏ đi nước ngoài và không để lại địa chỉ nơi đến. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông Nh và bà N đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Nh cho ông Nh và bà N ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quyền nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn Nh và bà Công Thị N có 02 con chung là anh Nguyễn Văn D, sinh năm 2001 và chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 2002. Hiện anh D và chị M đã trên 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét quyền, nghĩa vụ nuôi con chung đối với ông Nh và bà N.

[2.3] Về tài sản chung: Quá trình chuẩn bị xét xử, ông Nh và bà N đều thống nhất trình bày trong thời gian chung sống, ông bà có một số tài sản chung nhưng cả ông Nh và bà N đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 471, Điều 147, Điều 227, Điều 266; Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Nh

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Nh và bà Công Thị N.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn Nh và bà Công Thị N có 02 con chung là anh Nguyễn Văn D, sinh năm 2001 và chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 2002. Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Trà M đã trên 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết về quyền, nghĩa vụ nuôi con của ông Nguyễn Văn Nh và bà Công Thị N.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Nh và bà Công Thị N không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Nh phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003119 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ĐP;
- CCTHADS huyện ĐP;
- UBND xã TL, huyện ĐP, TP Hà Nội (Số GCN 13 ngày 13/3/2000);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hà

